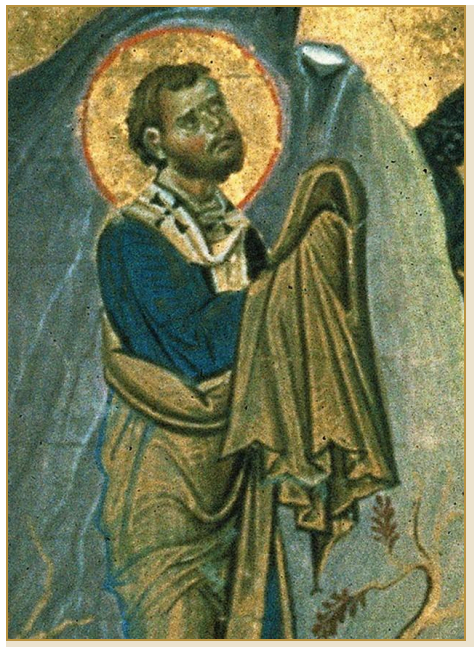




KẾ VỊ TÔNG ĐỒ

từ Thánh Stakhys, một trong Bảy Mươi môn đệ, qua Tòa Thượng phụ Đại kết Constantinopolis, cho đến ngày nay

trong dòng kế vị

ĐỨC GIÁM MỤC

GARLAND F. BYERS, JR., J.D., D.D.

Giám mục cho muôn dân, theo sứ mạng tông đồ



1. THÁNH STAKHY, MỘT TRONG BẢY MƯƠI MÔN ĐỆ^{CO}

*được Chúa Kitô sai đi trong số Bảy Mươi môn đệ khoảng năm 30 sau Công nguyên (Lu-ca 10:1)
được nêu tên trong Kinh Thánh: Thánh Phaolô chào thăm “Êch-ta-chy, là kẻ rất thiết với tôi” (La-mã 16:9)
giám mục tiên khởi của Byzantium, năm 38 sau Công nguyên*

Dòng kế vị tông đồ này trải dài từ Tông đồ Stakhys, khoảng năm 30 sau Công nguyên, cho đến ngày nay, tức là 1.996 năm tính đến năm 2026.

Dòng kế vị từ Thánh Stakhys đến Germanus V, Thượng phụ Đại kết, theo danh sách các giám mục và thượng phụ do Tòa Thượng phụ Đại kết Constantinopolis lưu giữ: chính là danh sách mà Tòa Thượng phụ Đại kết dựa vào để truy nguyên sự kế vị tông đồ của chính mình đến Thánh Anrê, Đáng được gọi đầu tiên.

Thánh Stakhys, người được Thánh Phaolô chào thăm: “Êch-ta-chy, là kẻ rất thiết với tôi” (La-mã 16:9), được Giáo hội Chính Thống tôn kính là một tông đồ trong Bảy Mươi môn đệ; Giáo hội này mừng lễ kính ngài vào ngày 31 tháng 10, cùng với các Tông đồ Ampliát và Urbanô, và kể ngài trong số Bảy Mươi Tông đồ được tôn kính chung vào ngày 4 tháng 1. Tòa Thượng phụ Đại kết Constantinopolis coi ngài là giám mục tiên khởi của Byzantium, được Thánh Anrê đặt coi sóc Giáo hội tại đó, và đặt ngài đứng đầu danh sách các giám mục của mình.

Việc tấn phong vào chức vụ giám mục đã được trao truyền từ vị này sang vị kế tiếp, qua các Giáo hội được nêu tên dưới đây.

Một số giám mục trong dòng kế vị này cũng được tôn kính là thánh. Các dấu hiệu bên cạnh tên các ngài chỉ liên quan đến sự thánh thiện của đời sống. Các dấu hiệu ấy không liên quan gì đến tính hữu hiệu của bất cứ cuộc tấn phong nào: mỗi giám mục được liệt kê đều giữ vị trí của mình trong dòng kế vị như nhau, dù có được tôn kính là thánh hay không.

Th. Thánh: người được một Giáo hội công khai tôn kính là đã sống một đời thánh thiện anh hùng và nay đang ở cùng Đức Chúa Trời, và được Giáo hội ấy ghi nhớ trong lịch phụng vụ của mình. Trong Giáo hội sơ khai, các thánh được công nhận qua sự tung hô của các tín hữu và các giám mục của họ; về sau, qua việc tuyên thánh chính thức trong Giáo hội Công giáo Rôma và việc tôn vinh hiển thánh trong Giáo hội Chính Thống.

Cp. Chân phước: trong Giáo hội Công giáo Rôma, người đã được phong chân phước, là bước chính thức đi trước việc tuyên thánh.

C Được Giáo hội Công giáo Rôma tôn kính là thánh hoặc chân phước.

O Được Giáo hội Chính Thống tôn kính là thánh.

CO Được cả Giáo hội Công giáo Rôma lẫn Giáo hội Chính Thống tôn kính là thánh.

Màu đỏ Tử đạo: người đã hiến mạng sống vì đức tin.

Các Giáo hội không phải lúc nào cũng nhất trí về việc ai là thánh. Một Giáo hội có thể tôn kính một người mà Giáo hội khác không tôn kính, và các dấu hiệu cho biết Giáo hội nào tôn kính mỗi vị.

CONSTANTINOPOLIS

Tòa Byzantium, về sau là Constantinopolis, nhận Thánh Anrê, Đáng được gọi đầu tiên, là đáng sáng lập. Các giám mục và thượng phụ từ Thánh Ônêximô, người kế vị Thánh Stakby, cho đến Germanus V, là vị thượng phụ mà dưới thời ngài, Kristofor Kisi đã được tấn phong làm giám mục của Tòa Thượng phụ Đại kết năm 1916.

2. Onesimus	54
3. Polycarp I	69
4. Plutarch	89
5. Sedecion	105
6. Diogenes	114
7. Eleutherius	129
8. Felix	136
9. Polycarp II	141

10. Athenodorus	144
11. Euzois	148
12. Laurence	154
13. Alypius	166
14. Pertinax	169
15. Olympianus	187
16. Mark I	198
17. Philadelphus	211
18. Cyriacus I	214
19. Castinus	230
20. Eugenius I	237
21. Titus	242
22. Dometius	272
23. Rufinus I	284

24. Probus	293	58. Thomas I	607
25. Th. Metrophanes ^{CO}	306	59. Sergius I	610
26. Th. Alexander ^{CO}	314	60. Pyrrhus	638
27. Th. Phaolô I ^{CO} <i>Tử đạo</i>	337	61. Phaolô II	641
28. Eusebius	339	62. Peter	654
29. Macedonius I	342	63. Thomas II	667
30. Eudoxius	360	64. Gioan V	669
31. Evagrius	370	65. Constantine I	675
32. Demophilus	370	66. Têôđôrô I	677
33. Th. Grêgôriô Nazianzêno ^{CO}	379	67. George I	679
34. Th. Nectarius ^{CO}	381	68. Phaolô III	688
35. Th. Gioan Kim Khẩu ^{CO}	398	69. Callinicus I	693
36. Arsacius	404	70. Cyrus	706
37. Th. Atticus ^{CO}	406	71. Gioan VI	712
38. Sisinnius I	426	72. Th. Germanus I ^{CO}	715
39. Nestorius	428	73. Anastasius	730
40. Maximian	431	74. Constantine II	754
41. Th. Proclus ^{CO}	434	75. Nicetas I	766
42. Th. Flavian ^{CO} <i>Tử đạo</i>	446	76. Th. Paul IV ^{CO}	780
43. Th. Anatolius ^{CO}	449	77. Th. Tarasius ^{CO}	784
44. Th. Gennadius I ^{CO}	458	78. Th. Nicephorus I ^{CO}	806
45. Acacius	472	79. Theodotus I	815
46. Fravitta	489	80. Anthony I	821
47. Euphemius	490	81. Gioan VII	837
48. Macedonius II	496	82. Th. Methodius I ^{CO}	843
49. Timothy I	511	83. Th. Ignatius ^{CO}	847
50. Gioan II	518	84. Th. Photius ^O	858
51. Epiphanius	520	85. Stephen I	886
52. Anthimus I	535	86. Anthony II	893
53. Th. Menas ^{CO}	536	87. Th. Nicôla I ^{CO}	901
54. Th. Eutychius ^{CO}	552	88. Euthymius I	907
55. Gioan III	565	89. Stêphanô II	925
56. Th. John IV ^{CO}	582	90. Tryphon	928
57. Cyriacus II	596	91. Theophylact	933

92. Polyeuctus	956	126. Maximus II	1216
93. Basil I	970	127. Manuel I	1217
94. Anthony III	974	128. Germanus II	1223
95. Nicôla II	984	129. Methodius II	1240
96. Sisinnius II	996	130. Manuel II	1243
97. Th. Sergius II ^{CO}	1001	131. Th. Arsenius ^O	1254
98. Th. Eustathius ^{CO}	1019	132. Nicephorus II	1260
99. Alexius Stoudites	1025	133. Germanus III	1265
100. Michael I Cerularius	1043	134. Th. Joseph I ^O	1266
101. Th. Constantine III ^O	1059	135. Gioan XI	1275
102. Th. John VIII Xiphilinos ^O	1064	136. Gregory II	1283
103. Th. Cosmas I ^O	1075	137. Th. Athanasius I ^O	1289
104. Eustratius Garidas	1081	138. Gioan XII	1294
105. Nicholas III Grammatikos	1084	139. Nephon I	1310
106. Gioan IX	1111	140. Gioan XIII	1315
107. Th. Leo ^O	1134	141. Gerasimus I	1320
108. Th. Michael II ^O	1143	142. Isaias	1323
109. Cosmas II	1146	143. Gioan XIV	1334
110. Nicôla IV	1147	144. Isidore I	1347
111. Theodotus II	1151	145. Th. Callistus I ^O	1350
112. Neophytus I	1154	146. Philotheus	1353
113. Constantine IV	1154	147. Macarius	1377
114. Luke Chrysoberges	1157	148. Nilus	1380
115. Michael III	1170	149. Antony IV	1389
116. Chariton	1178	150. Th. Callistus II ^O	1397
117. Theodosius I	1179	151. Matthew I	1397
118. Basil II Kamateros	1183	152. Euthymius II	1410
119. Nicetas II Mountanes	1186	153. Joseph II	1416
120. Dositheus	1189	154. Metrophanes II	1440
121. Leontius	1189	155. Gregory III	1445
122. George II Xiphilinos	1191	156. Athanasius II	1450
123. John X Kamateros	1198	157. Gennadius II Scholarios	1454
124. Michael IV Autoreianos	1208	158. Isidore II	1456
125. Têôdôrô II	1213	159. Joasaph I	1462

160. Mark II	1466
161. Symeon I	1466
162. Th. Dionysius I [○]	1466
163. Raphael I	1475
164. Th. Maximus III [○]	1476
165. Th. Nephon II [○]	1486
166. Maximus IV	1491
167. Joachim I	1498
168. Pachomius I	1503
169. Theoleptus I	1513
170. Th. Jeremias I [○]	1522
171. Joannicius I	1524
172. Dionysius II	1546
173. Joasaph II	1556
174. Metrophanes III	1565
175. Jeremias II	1572
176. Pachomius II	1584
177. Theoleptus II	1585
178. Matthew II	1596
179. Gabriel I	1596
180. Theophanes I	1596
181. Meletius I	1597
182. Neophytus II	1602
183. Raphael II	1603
184. Cyril I Lucaris	1612
185. Timothy II	1612
186. Grêgôriô IV	1623
187. Anthimus II	1623
188. Cyril II Kontares	1633
189. Athanasius III Patelaros	1634
190. Neophytus III	1636
191. Parthenius I	1639
192. Parthenius II	1644
193. Joannicius II	1646

194. Cyril III	1652
195. Paisius I	1652
196. Th. Parthenius III [○] <i>Từ đạo</i>	1656
197. Gabriel II	1657
198. Parthenius IV	1657
199. Dionysius III	1662
200. Clement	1667
201. Methodius III	1668
202. Dionysius IV	1671
203. Gerasimus II	1673
204. Athanasius IV	1679
205. James	1679
206. Callinicus II	1688
207. Neophytus IV	1688
208. Gabriel III	1702
209. Neophytus V	1707
210. Cyprianus	1707
211. Athanasius V	1709
212. Cyril IV	1711
213. Cosmas III	1714
214. Jeremias III	1716
215. Callinicus III	1726
216. Paisius II	1726
217. Seraphim I	1733
218. Neophytus VI	1734
219. Cyril V	1748
220. Callinicus IV	1757
221. Seraphim II	1757
222. Joannicius III	1761
223. Samuel	1763
224. Meletius II	1768
225. Theodosius II	1769
226. Sophronius II	1774
227. Gabriel IV	1780

228. Procopius	1785
229. Neophytus VII	1789
230. Gerasimus III	1794
231. Th. Gregory V ^o <i>Tử đạo</i>	1797
232. Callinicus V	1801
233. Jeremias IV	1809
234. Cyril VI	1813
235. Eugenius II	1821
236. Anthimus III	1822
237. Chrysanthus	1824
238. Agathangelus	1826
239. Constantius I	1830
240. Constantius II	1834
241. Grêgôriô VI	1835
242. Anthimus IV	1840
243. Anthimus V	1841
244. Germanus IV	1842
245. Meletius III	1845
246. Anthimus VI	1845
247. Cyril VII	1855
248. Joachim II	1860

249. Sophronius III	1863
250. Joachim III	1878
251. Joachim IV	1884
252. Dionysius V	1887
253. Neophytus VIII	1891
254. Anthimus VII	1895
255. Constantine V	1897
256. Germanus V	1913

ALBANIA VÀ HOA KỲ

Từ Kristofor Kisi, được tấn phong giám mục tại Constantinopolis năm 1916 và về sau là Tổng Giám mục Albania, mỗi giám mục được tấn phong bởi vị có tên trước mình. Cùng với Giám mục Hierotheos, đại diện (exarch) của Tòa Thượng phụ Đại kết, Kisi đã tấn phong Theofan (Fan) Noli tại Korçë năm 1923.

257. Kristofor Kisi	1916
258. Theofan (Fan) Noli	1923
259. William Henry Francis Brothers	1934
260. Joseph John Skureth	1966
261. Nils Bertil Alexander Persson	1989
262. Samuel Guido, Jr.	2004

263.

GARLAND F. BYERS, JR.

2013



BÍ TÍCH TRUYỀN CHỨC THÁNH

Lễ phong chức

Ngày 17 tháng 8 năm 2008, qua việc đặt tay, tại St. Paul's Lutheran Orthodox Chapel, Palmerton, Pennsylvania.

Tấn phong giám mục

PHỤC VỤ

Được tấn phong giám mục ngày 20 tháng 4 năm 2013, trong Lutheran Orthodox Church, Inc., nơi về sau ngài đã phục vụ với tư cách Tổng Giám mục Giáo phận Western North Carolina. Đức Giám mục Byers không còn liên kết với tổ chức ấy.

Ngày 20 tháng 4 năm 2013, qua việc đặt tay trong cử hành Bí tích Thánh Thể, tại St. Paul's Lutheran Orthodox Chapel, hôm ấy nhóm họp tại American Legion Post 16, Slatington, Pennsylvania.

Tiến sĩ Thần học (*honoris causa*), do Lutheran Orthodox Church, Inc. trao tặng ngày 20 tháng 4 năm 2013.

Vị chủ phong

Đức Tổng Giám mục Samuel Guido, Jr.

Các vị phụ phong

Giám mục Bradley A. Varvil

Giám mục Michael Byus

Giám mục James Thompson

Các chứng thư phong chức và tấn phong giám mục, cùng với hình ảnh lễ tấn phong, được trình bày trên trang [Về Đức](#)

[Giám mục](#).



Mọi câu Kinh Thánh tiếng Việt trên trang này được trích từ bản *Kinh Thánh* 1934 (bản dịch của William Cadman và các cộng sự), thuộc phạm vi công cộng. Văn bản: ebible.org/vie1934. Chỉ trích dẫn từng đoạn; dấu chấm lửng (...) chỉ phần lược bỏ. Chỉ sửa vài chữ hoa bị lỗi mã hóa trong bản điện tử ấy (chẳng hạn “Ááy” thành “Ấy”); riêng Ma-thi-ơ 6:10, bị lỗi không đọc được trong bản ấy, được lấy từ một bản sao khác của cùng bản Kinh Thánh 1934.

Thánh Stakhy, trích từ bức tiểu họa các Thánh Tông đồ Stakhy, Ampliát và Urbanô trong sách Menologion của Basil II, Constantinopolis, khoảng năm 1000 sau Công nguyên, Thư viện Vatican (Vat. gr. 1613). Lấy từ [Wikimedia Commons](#), public domain; đã cắt xén và đối kích thước so với bản gốc.